

BÁO CÁO

Giải trình bổ sung Quy định một số cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030

Ngày 13/3/2020, Thường trực HĐND tỉnh có buổi làm việc với Sở TN&MT để nghe báo cáo, giải trình làm rõ một số nội dung của Dự thảo Nghị quyết về Quy định một số cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Quảng Nam giai đoạn (2020-2030) do UBND tỉnh trình thông qua tại kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh khóa IX để đủ thông tin, cơ sở để Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh thẩm định nội dung thông qua tại kỳ họp. Kết quả làm việc xin báo cáo như sau:

Tại cuộc họp, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo giải trình làm rõ một số nội dung yêu cầu trong Báo cáo số 150/BC-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường về Giải trình quy định một số cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Quảng Nam giai đoạn (2020-2030) và dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, các ý kiến phát biểu, thảo luận, ý kiến giải trình chi tiết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ trì đoàn làm việc của HĐND tỉnh kết luận đối với dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Nội dung thống nhất nhưng đề nghị làm rõ và giải trình

TT	Nội dung	Câu hỏi	Tiếp thu, giải trình
1	Tên Nghị quyết		
		Đề nghị bổ sung cụm từ: “Cơ chế khuyến khích đầu tư hỗ trợ ...” thay vì “Cơ chế hỗ trợ xử lý ...”	Sẽ bổ sung cụm từ cho phù hợp bản chất của dự thảo Nghị quyết
2	Hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải tập trung		
1	Xây dựng đường vào các khu xử lý rác		
		Có làm đường vào khu xử lý cấp tỉnh không, loại đường	Hiện nay đang ưu tiên xúc tiến đầu tư khu xử lý cấp huyện, cấp tỉnh sẽ thực hiện đồng thời nhưng phải cần thời gian vì cần quỹ đất lớn và nhà đầu tư có vốn lớn (hàng trăm tỷ đồng). Hiện tại cũng đã xác định một số điểm nên sẽ bổ sung đầu tư

			hạng mục này đối với Khu xử lý cấp tỉnh
		Xác định chính xác chiều dài tuyến đường vào khu xử lý rác thải	Hiện nay các vị trí dự kiến đầu tư khu xử lý mới bước đầu lựa chọn nên chưa thể xác định chính xác chiều dài tuyến đường vì tuyến đường sẽ đầu tư theo hướng mới không đi qua tuyến hiện trạng vì đi qua khu vực có dân cư
2	Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng sạch cho diện tích xây dựng Dự án khu xử lý rác		
		Có hỗ trợ tái định cư trong trường hợp di dời dân hay không	Sẽ hỗ trợ tái định cư nếu trong diện tích xây dựng Dự án khu xử lý có nhà dân sống hợp pháp từ trước đến nay. Tuy nhiên hiện trạng các khu đề xuất của các địa phương thì trên diện tích xây dựng dự án không có nhà ở của hộ dân nào
3	Thực hiện thí điểm phân loại rác thải tại nguồn	Thống nhất nhưng cần thực hiện tập trung để có tính khả thi, thời gian thực hiện thí điểm nên rút ngắn 3 năm thay vì 5 năm	Đề xuất UBND tỉnh xem xét làm thí điểm 3 cụm (3 huyện), gồm: miền núi, đồng bằng, trung du với quy mô mỗi cụm khoảng 4-5 xã thời gian thí điểm tối đa 5 năm vì phải thay đổi ý thức người dân và cần 100% số hộ dân thực hiện đạt yêu cầu thì mới có mô hình thành công
3	Hỗ trợ cộng đồng địa phương		
1	Xây dựng hạ tầng thiết yếu cho người dân, địa phương		
		Hỗ trợ một lần hay hỗ trợ hàng năm	Hỗ trợ một lần
		Cần ghi rõ loại công trình hạ tầng thiết yếu	Các công trình thiết yếu: cấp nước sạch, giao thông nông thôn, thủy lợi, thoát nước.

2. Nội dung yêu cầu xem xét bổ sung:

Tại Điều 4, khoản 1: Bổ sung quy định hỗ trợ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng sạch, hỗ trợ tái định cư khu vực nhà ở của người dân trên diện tích vùng đệm (khoảng cách từ khu xử lý đến nhà ở của dân cư) của Dự án khu xử lý rác:

- Đã tiếp thu và bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 4 của dự thảo Nghị quyết.
- Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước

Kính báo cáo UBND tỉnh xem xét bổ sung nội dung nêu trên vào dự thảo Nghị quyết và đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về Cơ chế khuyến khích đầu tư hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030 tại cuộc họp HĐND tỉnh lần thứ 15, khóa IX để có cơ sở triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh (biết);
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Lê Thị Tuyết Hạnh

Phụ lục 1. Tổng hợp kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư các KXLRT tập trung

(Ước tính cho các Khu hiện trạng và đề xuất năm 2019)

STT	Khu xử lý quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích GPMB (ha)	Khu xử lý đang hoạt động	Kinh phí hỗ trợ tối đa (tỷ đồng)	
					2020-2025	2025-2030
1	Khu XLRT Điện Hòa	4	4,0		4,0	
2	Khu XLRT Đại Nghĩa	15	15,0		15,0	
3	Khu XLRT Đại Hiệp	11,7	0,5	X	0,5	
4	Khu XLRT TT Nam Giang	5	3,8	X	3,8	
6	Khu XLRT thị trấn Prao	5	5,0		5,0	
8	Khu XLRT Achieng	1,5	1,0	X	1,0	
9	Khu XLTR Duy Trinh	15	15,0		15,0	
10	Khu XLTR Bình Phú	7	6,0	X		6,0
11	Khu XLTR Quế Cường	15	15,0		15,0	
12	Khu XLRT Phước Hòa	5	5,0			5,0
13	Khu XLRT Tân An	5	5,0		5,0	
14	Khu XLRT Tam Xuân II	15	15,0		15	
15	Khu XLRT Tam Thạnh	30	30,0	X	30,0	
16	Khu XLRT Tam Vinh	8	8,0			8,0
17	Khu XLRT Trà Mai	5	5,0	X		5,0
18	Khu XLRT Tiên Hà	6	6,0		6,0	
	Tổng cộng	139,3			115,3	24,0

***Ghi chú:** UBND tỉnh sẽ phê duyệt danh sách các khu xử lý rác thải với diện tích chính xác theo xác định thực tế sau khi có ý kiến chính thức của địa phương và sự thống nhất của cộng đồng người dân khu vực.

Bảng 2. Thống kê kinh phí hỗ trợ xây dựng đường giao thông vận chuyển rác vào khu xử lý rác thải tập trung cấp huyện
(Ước tính cho các Khu hiện trạng và đề xuất năm 2019)

STT	Khu xử lý quy hoạch	Chiều dài tính đủ (Km)	Kinh phí (tỷ đồng)	Kinh phí hỗ trợ tối đa (tỷ đồng)	
				2020-2025	2025-2030
1	Khu XLRT Điện Hòa	1,5	8,76	8,76	
2	Khu XLTR Duy Trinh	2,0	11,68	11,68	
3	Khu XLRT TT huyện Nam Giang	1,5	8,76	8,76	
4	Khu XLRT Chaval	0,5	2,92		2,92
5	Khu XLRT thị trấn Prao	1,5			
6	Khu XLRT Achiing	0,5	2,92	2,92	
7	Khu XLTR Bình Phú	0,8	4,672		4,672
8	Khu XLRT Phước Hòa	2,2	12,848		12,848
9	Khu XLRT Tân An	1,5	8,76	8,76	
10	Khu XLRT Tam Vinh	2,0	11,68		11,68
11	Khu XLRT Trà Don	1,2	7,008		7,008
12	Khu XLRT Tiên Hà	2,5	14,6	14,6	
	Tổng cộng	18,2	106,288	67,16	39,128

***Ghi chú:**

- Chiều dài công trình tính từ tuyến đường vận chuyển chính đến ranh giới khu xử lý rác thải
- Tiêu chuẩn đường bê tông nông thôn mới: Nền 6,6m, mặt 3,5m. Đơn giá là 5,84 tỷ đồng/Km

**Phụ lục 3. Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ công trình cấp điện
đốt rác các khu xử lý rác thải cấp huyện**

(Ước tính cho các Khu hiện trạng và đề xuất năm 2019)

TT	Tên khu xử lý	Công suất (KVA)	Đang hoạt động	Kinh phí (tỷ đồng)	Kinh phí hỗ trợ tối đa (tỷ đồng)	
					2020-2025	2025-2030
1	Khu XLRT Hội An	400		3,8		3,8
2	Khu XLRT Điện Bàn	400		3,8		3,8
3	Khu XLRT Đại Lộc	400	x	3,8	3,8	
4	Khu XLRT Nam Giang	400	x	3,8	3,8	
5	Khu XLRT Đông Giang	400		3,8		3,8
6	Khu XLRT Tây Giang	400	x	3,8	3,8	
7	Khu XLTR Duy Xuyên	400		3,8		3,8
8	Khu XLTR Thăng Bình	400	x	3,8	3,8	
9	<u>Khu XLTR Quế Sơn</u>	400		3,8		3,8
10	Khu XLRT Phước Sơn	400		3,8		3,8
11	Khu XLRT Hiệp Đức	400		3,8		3,8
12	Khu XLRT Nông Sơn	400		3,8		3,8
13	Khu XLRT Núi Thành	400	x	3,8	3,8	
14	Khu XLRT Tam Kỳ	400		3,8		3,8
15	Khu XLRT Phú Ninh	400		3,8		3,8
16	Khu XLRT Bắc Trà My	400	x	3,8	3,8	
17	Khu XLRT Nam Trà My	400		3,8		3,8
18	Khu XLRT Tiên Phước	400		3,8		3,8
	Tổng cộng			68,4	22,8	45,6

**Ghi chú:* Trạm biến áp tính cho trung bình có công suất 400 KVA, dự toán trung bình 3,8 triệu/trạm

Phụ lục 4. Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ hạ tầng thiết yếu xã có khu xử lý rác thải (Ước tính cho các Khu hiện trạng và đề xuất năm 2019)

TT	Tên Khu xử lý quy hoạch	Khối lượng phát sinh (tấn/ng.đêm)	Công nghệ	Đang hoạt động	Kinh phí hỗ trợ tối đa (tỷ đồng)	
					2020-2025	2025-2030
	Khu xử lý rác thải (KXLRT) tập trung cấp huyện				64	42
1	Khu xử lý XLRT Hội An	84,21	Đốt	x	4	3
2	Khu xử lý XLRT Điện Bàn	143,55	Đốt/chôn lấp		5	4
3	Khu xử lý XLRT Đại Lộc	84,96	Đốt/chôn lấp		5	2
4	Khu XLRT Nam Giang	16,21	Chôn lấp	x	5	
5	Khu XLRT Đông Giang	14,87	Chôn lấp		5	
6	Khu XLRT Tây Giang	9,20	Chôn lấp	x	5	
7	Khu XLTR Duy Xuyên	74,93	Đốt/chôn lấp		4	3
8	Khu XLTR Thăng Bình	99,22	Đốt/chôn lấp	x	4	3
9	<u>Khu XLTR Quế Sơn</u>	46,70	Chôn lấp		<u>5</u>	
10	Khu XLRT Phước Sơn	14,16	Chôn lấp	x		5
11	Khu XLRT Hiệp Đức	20,75	Chôn lấp			5
12	Khu XLRT Nông Sơn	16,01	Chôn lấp	x	5	
13	Khu XLRT Núi Thành (Tam Nghĩa)	100,02	Đốt/chôn lấp	x	5	4
14	Khu XLRT Tam Kỳ	77,37	Đốt/chôn lấp		4	3
15	Khu XLRT Phú Ninh	42,39	Chôn lấp			5
16	Khu XLRT Bắc Trà My	23,37	Chôn lấp	x	5	
17	Khu XLRT Nam Trà My	39,53	Chôn lấp	x		5
18	Khu XLRT Tiên Phước	13,81	Chôn lấp		5	
	Tổng cộng				64	42

Phụ lục 5. Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ BVMT
(Ước tính cho các Khu hiện trạng và đề xuất năm 2019)

TT	Khu xử lý quy hoạch	Công nghệ xử lý	KXL đang hoạt động	Kinh phí hỗ trợ tối đa (tỷ đồng)	
				2020-2025	2025-2030
	Khu xử lý XLRT tập trung mỗi huyện				
1	Khu xử lý XLRT Hội An	Đốt	x	0,5	
2	Khu xử lý XLRT Điện Bàn	Đốt/chôn lấp			0,5
3	Khu xử lý XLRT Đại Lộc	Đốt/chôn lấp			0,5
4	Khu XLRT Nam Giang	Chôn lấp	x	0,5	
5	Khu XLRT Đông Giang	Chôn lấp			0,5
6	Khu XLRT Tây Giang	Chôn lấp	x	0,5	
7	Khu XLTR Duy Xuyên	Đốt/chôn lấp			0,5
8	Khu XLTR Thăng Bình	Đốt/chôn lấp	x	0,5	
9	<u>Khu XLTR Quế Sơn</u>	Chôn lấp			0,5
10	Khu XLRT Phước Sơn	Chôn lấp	x	0,5	
11	Khu XLRT Hiệp Đức	Chôn lấp			0,5
12	Khu XLRT Nông Sơn	Chôn lấp	x	0,5	
13	Khu XLRT Núi Thành (Tam Nghĩa)	Đốt/chôn lấp	x	0,5	
14	Khu XLRT Tam Kỳ	Đốt/chôn lấp			0,5
15	Khu XLRT Phú Ninh	Chôn lấp			0,5
16	Khu XLRT Bắc Trà My	Chôn lấp	x	0,5	
17	Khu XLRT Nam Trà My	Chôn lấp	x	0,5	
18	Khu XLRT Tiên Phước	Chôn lấp		0,5	
	Tổng cộng			5,0	4,0